

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 209/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28/4/2023

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Huy Vũ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Long.

2. Ông Huỳnh Văn Phó.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Không có.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 870/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm: 1954 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông **Trần Văn T** trình bày: Ông và bà **Trần Thị H** chung sống với nhau vào năm 1986, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang** vào ngày 06/12/1986. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm*

2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà H không quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không được nên ông bà đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho ông ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có 02 con tên Trần Thị Diễm M, sinh năm 1988 và Trần Tuấn A, sinh năm 1989, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bà Trần Thị H vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, bà H cũng vắng mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trần Văn T khởi kiện bà Trần Thị H yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông T và bà H là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bà Trần Thị H vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Trần Văn T và bà Trần Thị H sống chung năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 06/12/1986 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 119, như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình sống chung hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà H không quan tâm, chăm sóc gia đình. Ông T yêu cầu được ly hôn, bà H vắng mặt nên không có ý kiến về vấn đề này. Nhận thấy, ông Trần Văn T và bà Trần Thị H có phát sinh mâu thuẫn kéo dài, sống ly thân từ năm 2012. Trong thời gian ly thân, ông bà không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng bà H cũng vắng mặt chứng tỏ bà không có ý hàn gắn với ông T. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho ông T được quyền ly hôn với bà H.

[4] Về con chung: Có 02 con tên Trần Thị Diễm M, sinh năm 1988 và Trần Tuấn A, sinh năm 1989, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho ông Trần Văn T được quyền ly hôn với bà Trần Thị H.
2. Về án phí: Vụ án thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án.
3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Trung An;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Huy Vũ